TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG** Số: 59/2025/QĐST-LĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Dĩ An, ngày 18 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Chu Thị Vân.

***Thư ký phiên họp*:** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 48/2025/TLST-VLĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 28/2025/QĐST-LĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983; thường trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Hẻm B, đường N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1975; thường trú: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH K; địa chỉ: Số H, đường Đ, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp bà Trương Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ:Số H, đường Đ, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/4/2025). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, Khu vực IV; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T2, sinh năm 1988; chức vụ: chuyên viên Bảo hiểm xã hội thành phố D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/4/2025). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào 05/2010 đến tháng 07/2010 bà có làm việc tại Công ty TNHH E; địa chỉ: Số G, Đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vị trí là Công nhân may, thời gian làm việc từ 07 giờ 30 sáng đến 16 giờ 30 chiều, chưa kể tăng ca, bà có tham gia đóng bảo hiểm xã hội số: 7410156706. Khoảng tháng 02/2025 bà đi làm thủ tục tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thì được biết bị trùng bảo hiểm trong khoảng thời gian từ tháng 05/2010 đến tháng 11/2010 nên Cơ quan bảo hiểm hướng dẫn bà nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH K là vô hiệu. Lý do bị trùng bảo hiểm xã hội: Vào tháng 05/2010 bà có cho chị họ tên Lê Thị T1 mượn chứng minh nhân dân của bà số 371093661 do Công an tỉnh K cấp để làm việc tại Công ty TNHH K. Quá trình làm việc, Công ty có đóng bảo hiểm xã hội số 7410155769. Sau đó bà T1 xin nghỉ việc và không sử dụng chứng minh nhân dân và thông tin cá nhân của bà để làm việc ở bất cứ doanh nghiệp nào khác. Do bà thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà T1 mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K là không vi phạm gì. Hơn nữa, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà không suy nghĩ nhiều, chỉ mong muốn có công việc để trang trải cuộc sống. Vì vậy, bà nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH K là vô hiệu. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T1 trình bày: Bà và bà T có mối quan hệ bạn bè. Khoảng tháng 05/2010, bà không có chứng minh nhân dân nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà T để xin vào làm việc tại Công ty TNHH K và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2010 đến tháng 11/2010 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7410155769. Nay bà T1 thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà T và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH K vô hiệu. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động với Công ty TNHH K thì bà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm gì, bà cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T. Bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Bà Trương Thị H là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Công ty TNHH K trình bày: Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty TNHH K (gọi tắt là Công ty) phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Do người lao động tại công ty rất đông, Công ty căn cứ hồ sơ hợp lệ của người lao động để ký hợp đồng theo quy định. Ngoài ra Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không bởi vì hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp thời gian lâu có thể không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc. Khi người lao động vào làm việc thì Công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động đó theo quy định. Theo các dữ liệu được lưu trữ trên dữ liệu máy tính của Công ty thì vào tháng 05/2010, Công ty có tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Bà T làm việc với vai trò là công

nhân. Thời gian làm việc của bà Nguyễn Thị T theo như quy định của nội quy lao động công ty. Đến tháng 11/2010, bà T nghỉ việc tại Công ty cho đến nay và Công ty đã chốt sổ bảo hiểm cho bà T. Tòa án yêu cầu Công ty cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan người lao động Nguyễn Thị T, tuy nhiên vì thời gian người lao động này nghỉ việc đã hơn 10 năm nên Công ty không còn lưu trữ hồ sơ của bà T, chỉ còn dữ liệu trên máy tính. Nay người lao động cho rằng có sự việc bà Nguyễn Thị T cho chị họ là Lê Thị T1 sử dụng thông tin của bà T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty. Việc người khác sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó việc bà T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T (do người khác giả mạo tên) với Công ty TNHH K thì Công ty đồng ý với yêu cầu của bà T. Đối với các chế độ của bà T sau khi nghỉ việc, Công ty đã giải quyết đầy đủ cho bà T vì vậy Công ty TNHH K không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

- Ông Dương Văn T2 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D (viết tắt là BHXH) trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH K cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị T sinh năm 1983, số CCCD 091183012758, với mã số BHXH 7410155769 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 5/2010 đến tháng 11/2010 tại Công ty TNHH K chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra qua tra cứu dữ liệu, BHXH thành phố D còn phát hiện bà Nguyễn Thị T còn có mã số 7410156706 từ tháng 5/2010 đến tháng 7/2010 tại Công ty TNHH E. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH K, đề nghị Tòa án Căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty TNHH K có giao kết lại hợp đồng lao động với người mượn hồ sơ hay không; về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị T, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị T không có ý kiến.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 và người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội thành phố D; người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH K có yêu cầu

giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 05/2010 đến tháng 11/2010, người lao động tên Nguyễn Thị T được Công ty TNHH K tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410155769. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH K và bà Nguyễn Thị T phát sinh từ tháng 05/2010 cho đến tháng 11/2010, hai bên có ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà T và bà T1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH K và thực tế làm việc tại công ty T3 khoảng thời gian từ tháng 05/2010 đến tháng 11/2010 là bà Lê Thị T1 chứ không phải bà T. Do bà T1 bị mất giấy tờ tùy thân nên bà T đã cho bà T1 mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà T và bà T1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 05/2010 đến tháng 11/2010 bà T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH K.

[2.1] Xét thấy, việc bà Lê Thị T1 sử dụng chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 và Điều 30 của Bộ luật Lao động. Do đó, việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giao kết giữa bà T (do bà T1 mượn tên) với Công ty TNHH K là có căn cứ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp.

[2.2] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị T bị trùng từ tháng 05/2010 đến tháng 11/2010. Do đó, bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH K với bà Nguyễn Thị T vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH K bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0007977 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Chu Thị Vân